

Phụ lục

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHOÁNG SẢN XUẤT KHẨU

(kèm theo Thông tư số 02/2001/TT-BCN ngày 27/4/2001).

Số thứ tự	Loại sản phẩm khai thác, chế biến	Hàm lượng min	Ghi chú
1	Tinh quặng Cromit	43% Cr ₂ O ₃	
2	Sản phẩm từ quặng titan - Tinh quặng Ilmênit - Tinh quặng Zircon - Tinh quặng Rutil	52% TiO ₂ 57% ZrO ₂ 82% TiO ₂	
3	Tinh quặng sulfur chì	45% Pb	
4	Tinh quặng đồng	18% Cu	
5	Quặng sắt	54% Fe	
6	Sản phẩm quặng kẽm - Quặng oxyt kẽm - Tinh quặng sulfur kẽm	25% Zn 50% Zn	
7	Quặng mangan	35% Mn	
8	Cát trắng thủy tinh	Đã tuyển rửa	Do Công ty Minexco - Khánh Hòa khai thác
9	Tinh quặng Wolframit	65%WO ₃	

Ghi chú: Trong Phụ lục này thuật ngữ “tinh quặng” tương đương với thuật ngữ “quặng đã được làm giàu” trong “Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu” ban hành kèm theo Quyết định số 67/1999/QĐ-BTC ngày 24 tháng 6 năm 1999 của Bộ Tài chính./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 1010/2001/QĐ-BGTVT
ngày 06/4/2001 về việc công bố danh mục hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2424/2000/QĐ-BKHCNMT ngày 12/12/2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy định tạm thời về công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ,

09683047

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố kèm theo Quyết định này danh mục hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

Điều 2. Hàng hóa thuộc danh mục nêu ở Điều 1 phải được công bố phù hợp tiêu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép lưu thông trên thị trường sau khi đã được các doanh nghiệp công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2001.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng

NGUYỄN VIỆT TIẾN

DANH MỤC HÀNG HÓA PHẢI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN NGÀNH
(kèm theo Quyết định số 1010/2001/QĐ-BGTVT ngày 06/4/2001
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Số thứ tự	Tên hàng hóa dùng trong ngành giao thông vận tải	Tên tiêu chuẩn ngành phải áp dụng	Mã hiệu Tiêu chuẩn
1	Bu lông cường độ cao dùng cho cầu thép	Bu lông cường độ cao dùng cho cầu thép	22 TCN 204-91
2	Gối cầu cao su	Gối cầu cao su cốt bản thép	22 TCN 217-94
3	Sơn cầu	Sơn dùng cho cầu thép và kết cấu thép	22 TCN 235-97
4	Nhựa đường	* Tiêu chuẩn phân loại nhựa đường đặc dùng cho đường bộ * Quy trình lấy mẫu vật liệu nhựa dùng cho đường bộ, sân bay và bến bãi	22 TCN 227-95 22 TCN 231-96
5	Nhũ tương nhựa đường gốc a xít	Nhũ tương nhựa đường gốc a xít	22 TCN 250-98
6	Neo bê tông dự ứng lực T13; 15 và D13; 15	Neo bê tông dự ứng lực T13; 15 và D13; 15	22 TCN 267-2000
7	Lu bánh lốp	Lu bánh lốp - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra	22 TCN 254-99
8	Trạm trộn bê tông nhựa nóng	Trạm trộn bê tông nhựa nóng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra	22 TCN 255-99